

**THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS
CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN NĂM THỨ I TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI, NĂM 2012**
NGUYỄN TRẦN TUẤN KIỆT - Cao đẳng Y tế Đồng Nai
LÀ NGỌC QUANG - Đại học y tế công cộng

TÓM TẮT

HIV/AIDS đang là đại dịch, số người bị nhiễm HIV/AIDS tiếp tục gia tăng. Dịch không chỉ xảy ra ở những đối tượng nguy cơ cao như trước đây mà đã lan sang cộng đồng, tập trung nhiều ở lứa tuổi dưới 30. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm: Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến công tác phòng chống HIV/AIDS của học sinh, sinh viên (HSSV) năm I trường Cao Đẳng Y tế Đồng Nai. Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 814 HSSV, sử dụng bộ câu hỏi tự điền để thu thập thông tin. Kết quả: Tỷ lệ HSSV có kiến thức chung đúng 78,1%, HSSV có thái độ chung đúng là 86,6% và HSSV có thực hành chung đúng 83,2%. HSSV nữ có kiến thức chung về phòng chống HIV/AIDS cao hơn nam. Thông tin từ trường học và báo chí-internet là nguồn thông tin mà HSSV thu nhận kiến thức về phòng chống HIV/AIDS nhiều nhất.

Từ khóa: HIV/AIDS.

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE IN HIV/AIDS PREVENTION OF STUDENTS AT FIRST YEAR IN DONG NAI MEDICAL COLLEGES, 2012

HIV/AIDS is a global pandemic, the number of people infected HIV/AIDS continues increasing. Pandemic is not only occurred in high-risk groups, it spreads to the community, concentrated in the age group under 30. This study was carried out to: describe the knowledge, attitudes, and practices related to prevention of HIV/AIDS among students in first year of Medical College of Dong Nai. The cross-sectional descriptive study was carried out in 814 students with self-administered questionnaire. Results: the percentage of students to be 78.1% correct knowledge on HIV prevention, students to have the right attitude is 86.6% and students to have the right practice 83.2%. Female students to have knowledge about HIV/AIDS prevention better than men. Information from schools and internet sources are the most channels that students to acquire knowledge about HIV/AIDS.

Keywords: HIV/AIDS.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, HIV/AIDS đang là đại dịch làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, nền kinh tế của mọi quốc gia, mọi dân tộc. Mặc dù các nước đã có nhiều biện pháp phòng chống tích cực nhưng dịch vẫn gia tăng với tốc độ nhanh trên diện rộng và ngày càng diễn biến phức tạp Theo báo cáo của Chương trình phối hợp của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS, Đến cuối năm 2011 số người nhiễm HIV/AIDS đang sống trên thế giới tiếp tục gia tăng và đạt con số 34 triệu người, có khoảng 1,7 triệu người đã chết vì những nguyên nhân liên quan đến HIV/AIDS [1].

Ở Việt Nam, tính đến cuối năm 2011 cả nước có 197.335 người nhiễm HIV đang còn sống, trong đó có 48.720 người ở giai đoạn AIDS và kể từ đầu vụ dịch đến nay đã có 52.325 người tử vong do HIV/AIDS. Phân bố người nhiễm HIV trong năm 2011 vẫn chủ

yếu tập trung ở nhóm tuổi từ 20-39 tuổi chiếm 82% số người nhiễm HIV và tỷ lệ này hầu như không thay đổi nhiều trong khoảng 5 năm trở lại đây. Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm tuổi 30-39 tuổi chiếm tỷ lệ 43%, nhóm 20-29 tuổi chiếm 39% tổng số người nhiễm HIV. Dịch không chỉ xảy ra ở những đối tượng nguy cơ cao như trước đây mà đã lan sang cộng đồng, tập trung nhiều ở lứa tuổi dưới 30 [2].

Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 nhấn mạnh tăng cường công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đổi mới, mở rộng, nâng cao chất lượng công tác truyền thông về phòng chống HIV/AIDS, chú trọng truyền thông cho người dễ bị lây nhiễm HIV, người trong độ tuổi sinh đẻ và học sinh, sinh viên. Chiến lược cũng nêu rõ mục tiêu tăng tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15 đến 49 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS đạt 80% vào năm 2020 [3].

Tại Đồng Nai, tính đến tháng 8 năm 2012 toàn tỉnh đã có 6.377 trường hợp nhiễm HIV/AIDS, 2.447 bệnh nhân chuyển qua giai đoạn AIDS, 1.492 người đã chết do AIDS. Chỉ trong 8 tháng đầu năm 2012 đã có 239 người nhiễm mới. Đây đang là một vấn đề sức khỏe đang được chính quyền và nhân dân trong tỉnh quan tâm do tỷ lệ nhiễm cao và tính chất lan truyền trong cộng đồng [4].

Công tác tuyên truyền giáo dục phòng chống HIV/AIDS trong trường học ở Đồng Nai trong những năm qua cũng đã được đẩy mạnh, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào về kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống HIV/AIDS của học HSSV. Mặt khác, HSSV ngành y cũng được xem là đối tượng có nguy cơ phơi nhiễm cao vì thường xuyên phải tiếp xúc với bệnh nhân trong quá trình đi thực tập tại bệnh viện [5]. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống HIV/AIDS của HSSV năm thứ I trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai, từ đó cung cấp những thông tin cơ bản để lập kế hoạch, xây dựng nội dung chương trình tuyên truyền giáo dục phòng chống HIV/AIDS phù hợp cho HSSV của trường.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống HIV/AIDS của học sinh, sinh viên năm thứ I trường Cao Đẳng Y tế Đồng Nai, năm 2012.

Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng chống HIV/AIDS của học sinh, sinh viên năm thứ I trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai, năm 2012.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh sinh viên năm thứ I tại trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai năm 2012.

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Tháng 10-12 năm 2012 tại trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai.

3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Bước 1 chọn phân tầng theo khối lớp cao đẳng, trung cấp, sơ cấp.

Bước 2 chọn mẫu cụm ngẫu nhiên đơn các lớp, tất cả học sinh trong lớp được chọn sẽ đưa vào nghiên cứu, trừ những trường hợp từ chối tham gia.

Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2} .de$$

n: Là cỡ mẫu cần điều tra.

Z: Là độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất $\alpha = 0,05$.

p: Tỷ lệ ước tính học sinh sinh viên có kiến thức đúng. Tỷ lệ này theo nghiên cứu tại Đại học nông nghiệp là 56,5% [6].

d: (sai số chấp nhận) = 0,05.

de: Hiệu lực thiết kế mẫu cụm: 2.

Cộng thêm 5% mất mẫu thì cỡ mẫu ước lượng là 794 người.

5. Phương pháp thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi tự điền, bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên các hướng dẫn chẩn đoán, dự phòng và điều trị HIV/AIDS của Bộ y tế [7],[8].

6. Các khái niệm và tiêu chuẩn đánh giá

Học sinh sinh viên được cho là đạt về kiến thức khi trả lời đúng tất cả những câu hỏi về kiến thức, cho là đạt về thái độ khi trả lời đúng tất cả những câu hỏi về thái độ, cho là đạt về thực hành khi trả lời đúng tất cả những câu hỏi về thực hành.

7. Xử lý và phân tích số liệu

Nhập số liệu bằng phần mềm Epidata, Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS16.0.

8. Đạo đức nghiên cứu

Học sinh sinh viên là hoàn toàn tự nguyện tham gia nghiên cứu, mọi thông tin cá nhân về đối tượng nghiên cứu sẽ được giữ kín.

KẾT QUẢ

1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

Đặc tính		Tần số	Tỷ lệ
Khối lớp	Cao đẳng	329	40,4
	Trung cấp	376	46,1
	Sơ cấp	109	13,3
Giới tính	Nam	185	22,7
	Nữ	629	77,2
Tuổi	18	321	39,4
	19	215	26,4
	20	184	22,6
	≥ 21	94	11,5

Có 814 học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu được chọn phân tầng tỷ lệ từ 18 lớp theo các khối cao đẳng, trung cấp và sơ cấp. Nam giới chiếm 22,7% và nhóm sinh viên 18 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 39,4%.

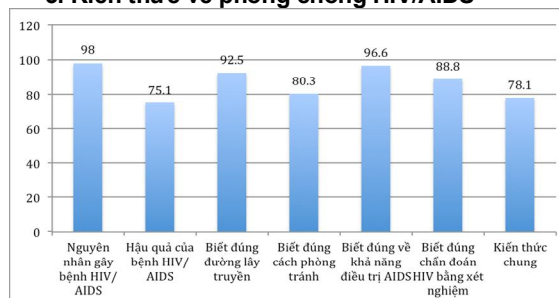
2. Tiếp cận với các nguồn thông tin phòng chống HIV/AIDS

Bảng 2: Tiếp cận với các nguồn thông tin phòng chống HIV/AIDS

Nguồn thông tin	Tần số	Tỷ lệ
Truyền hình	658	80,8
Báo chí-Internet	756	92,8
Trường học	765	93,9
Phát thanh	523	64,2
Bạn bè- gia đình	465	57,1
Pano-apphích	325	39,9
Cán bộ y tế	384	47,1
Khác	256	31,4

Tỷ lệ sinh viên tiếp cận với nguồn thông tin truyền thông về phòng chống HIV/AIDS chiếm tỷ lệ cao nhất là từ trường học (93,9%), tiếp theo là từ báo chí-internet (92,8%), thấp nhất trong các phân nhóm là từ cán bộ y tế (47,1%).

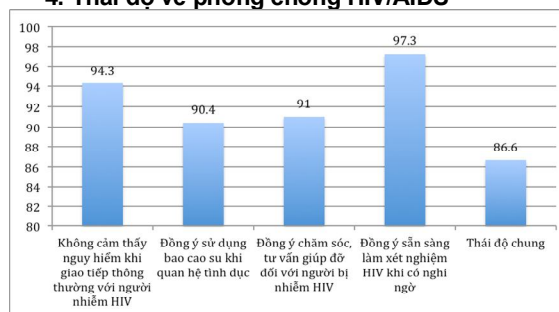
3. Kiến thức về phòng chống HIV/AIDS



Hình 1: Kiến thức về phòng chống HIV/AIDS

Trong phân nhóm kiến thức về phòng chống HIV/AIDS, tỷ lệ sinh viên biết đúng về khả năng điều trị bệnh AIDS là 96,6%, tiếp theo là biết đúng về đường lây truyền, chiếm 92,5%. Tổng hợp lại, kiến thức đúng của sinh viên là 78,1%.

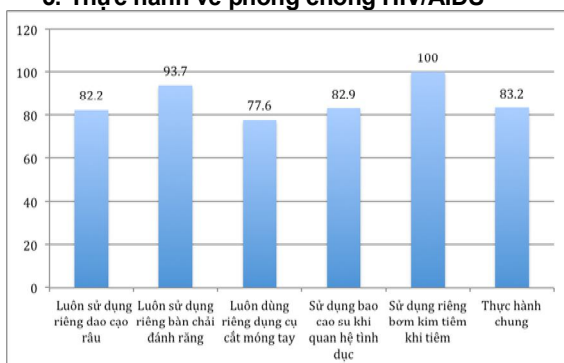
4. Thái độ về phòng chống HIV/AIDS



Hình 2: Thái độ phòng chống HIV/AIDS

Thái độ của sinh viên về HIV/AIDS, tỷ lệ sinh viên sẵn sàng đồng ý làm xét nghiệm HIV khi có nghi ngờ chiếm 97,3%, tiếp theo là có thái độ đúng về việc không cảm thấy có nguy hiểm khi giao tiếp thông thường với người nhiễm HIV là 94,3%. Tổng hợp lại, thái độ đúng của sinh viên là 86,6%.

5. Thực hành về phòng chống HIV/AIDS



Hình 3: Thực hành phòng chống HIV/AIDS

Trong các câu hỏi về thực hành phòng chống HIV/AIDS, 100% sinh viên luôn biết việc sử dụng riêng bơm kim tiêm khi tiêm, tiếp theo là luôn sử dụng riêng bàn chải đánh răng (93,7%). Tổng hợp lại, thực hành đúng của sinh viên là 82,3%.

6. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng chống HIV/AIDS

Bảng 3: Một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng chống HIV/AIDS

Nội dung		Kiến thức chung				Tổng	P
		Đúng		Không đúng			
		Tần số	(%)	Tần số	(%)		
Giới	Nam	117	63,2	68	36,7	185	P<0.05
	Nữ	502	79,8	127	20,1	629	
Tuổi	18	243	75,7	78	24,3	321	P>0.05
	19	165	76,7	50	23,2	165	
	20	145	78,8	39	21,2	184	
	≥ 21	71	75,5	23	24,4	94	
Khối lớp	Cao đẳng	251	76,2	78	23,7	251	P>0.05
	Trung cấp	294	78,1	82	21,8	376	
	Sơ cấp	85	77,9	24	22,0	109	

BÀN LUẬN

Phân bố về giới tính: Tỷ lệ nữ chiếm 77,2 %, đây là đặc thù của học sinh, sinh viên trong các trường cao đẳng y, học sinh nữ luôn chiếm ưu thế. Trong nghiên cứu này, đối tượng nghiên cứu là học sinh, sinh viên năm thứ I, nên gần 2/3 (65,8%) đối tượng ở lứa tuổi 18-19 tuổi.

Tiếp cận với các nguồn thông tin: Học sinh sinh viên thu nhận thông tin về HIV/AIDS nhiều nhất từ trường học (93,9%), tiếp theo là từ báo chí-internet, truyền hình, việc duy trì các hoạt động truyền thông trong nhà trường là rất cần thiết. Bên cạnh đó vẫn còn hơn 6% HSSV không thu nhận thông tin từ trường học, vì vậy cần tăng cường hơn nữa các hoạt động tuyên truyền phòng chống HIV trong nhà trường

Về kiến thức: Tỷ lệ HSSV có kiến thức đúng về nguyên nhân gây bệnh HIV/AIDS là nhiều nhất chiếm 98,0%, kể đến là khả năng điều trị, đường lây truyền, chẩn đoán và cách phòng tránh. Tỷ lệ kiến thức chung đúng là 78,1%. Kết quả này cao hơn so với kết quả của Nguyễn Thị Vinh, với tỷ lệ chỉ là 56,5% [6]. Kiến thức chung về HIV/AIDS chiếm tỷ lệ thấp So với từng kiến thức, điều này cho thấy rằng nhiều HSSV có kiến thức đúng nhưng chưa đầy đủ.

Về thái độ: Đa số HSSV (94,3%) không cảm thấy nguy hiểm khi giao tiếp (bắt tay, ôm hôn) với người nhiễm HIV. Tuy nhiên vẫn còn hơn 5% HSSV cảm thấy nguy hiểm khi giao tiếp thông thường như bắt tay, ôm hôn. Có nhiều HSSV cho là phải cách ly người bệnh. Tỷ lệ này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Đức Thành, tỷ lệ này là 5,8% [4]. Điều này xuất phát từ tâm lý sợ hãi căn bệnh vẫn còn tồn tại trong cộng đồng. Đây có thể là hậu quả của những hình ảnh truyền thông ghê sợ gây sự ngộ nhận trong cộng đồng với căn bệnh này.

Tỷ lệ HSSV sẵn sàng xét nghiệm HIV khi có nghi ngờ chiếm 97,3%, kể đến là tỷ lệ chấp nhận sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục ngoài hôn nhân chiếm 90,4%. Đa số HSSV (91,0%) đồng ý chăm sóc, tư vấn giúp đỡ đối với người bị nhiễm HIV. Tuy nhiên vẫn còn 9,0% HSSV được hỏi chưa sẵn sàng đồng ý chăm sóc, giúp đỡ người bị nhiễm HIV. Tỷ lệ có thái độ chung đúng là 86,6%.

Về thực hành: Đa số HSSV sử dụng riêng dao cạo râu (nam) (82,2%), bàn chải đánh răng (93,7%) và dụng cụ cắt móng tay (77,6%). Tuy nhiên vẫn còn nhiều HSSV không sử dụng riêng dao cạo râu và bàn chải đánh răng, đặc biệt có hơn 20% HSSV không sử dụng riêng dụng cụ cắt móng tay. Những hành vi này có thể là do thói quen sinh hoạt hằng ngày từ lâu trong các gia đình hoặc do sống ở những khu tập thể như ký túc xá hay nhà trọ. Tỷ lệ HSSV có thực hành chung đúng chiếm 83,2%. Tỷ lệ này cao hơn có ý nghĩa thống kê (P<0.05) so với kết quả của Nguyễn Thị Vinh, tỷ lệ này là 68,5% [6].

Một số yếu tố liên quan: Kiến thức chung giữa các khối lớp Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp khác nhau không có ý nghĩa thống kê (p>0.05). Các HSSV trong nghiên cứu đều bắt đầu học năm thứ nhất, các kiến thức về HIV/AIDS được tiếp thu từ chương trình học phổ thông trung học như nhau.

Không có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm tuổi (p>0.05) của HSSV tham gia nghiên cứu. Tỷ lệ HSSV nữ có kiến thức chung về phòng chống HIV/AIDS tốt hơn nam giới có ý nghĩa thống kê (p<0.05), đây cũng là phát hiện trong nghiên cứu của Nguyễn Đức Thành [4]. Có thể do HSSV nữ chuyên cần, chú ý, tìm hiểu về HIV/AIDS hơn trong các buổi học và truyền thông về HIV/AIDS của trường học.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ HSSV có kiến thức chung đúng là 78,1%, HSSV có thái độ chung đúng là 86,6% và HSSV có thực hành chung đúng về phòng chống HIV/AIDS là 83,2%.

Không có sự khác biệt giữa kiến thức chung của khối lớp Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp. Không có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm tuổi. Học sinh nữ có kiến thức chung về phòng chống HIV/AIDS cao hơn nam.

Thông tin từ trường học và báo chí-Internet là nguồn thông tin mà HSSV thu nhận kiến thức về phòng chống HIV/AIDS nhiều nhất.

KHUYẾN NGHỊ

Cần duy trì và tăng cường các chương trình truyền thông về HIV/AIDS nhiều hơn nữa trong trường học bằng các hình thức đa dạng hơn, chú trọng hơn vào đối tượng nam học sinh sinh viên.

Truyền thông cần nhấn mạnh sự giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người nhiễm, hạn chế những hình ảnh quá mức về HIV/AIDS, tránh gây tâm lý sợ hãi, làm cho HSSV có thái độ tích cực và thực hành tốt hơn khi giao tiếp và chăm sóc bệnh nhân nhất là những bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS.

Cần làm phong phú nội dung truyền thông về HIV/AIDS. Ngoài những thông tin về đường lây, cách phát hiện, khả năng điều trị, cách phòng lây nhiễm, khuyến cáo thực hiện các hành vi đúng như sử dụng bao cao su, sử dụng riêng bơm kim tiêm khi tiêm chích, không sử dụng chung các vật dụng cá nhân có thể làm lây nhiễm HIV. Cần nhấn mạnh sự nguy hiểm của căn bệnh giúp cho HSSV có kiến thức sâu rộng và

toàn diện về căn bệnh, từ đó có thể tự phòng vệ cho bản thân và phòng lây truyền HIV/AIDS trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNAIDS, *Report on the global AIDS epidemic 2012*, 2012, United Nations Joint Programme on HIV/AIDS: Geneva.

2. Bộ Y tế, *Báo cáo tình hình HIV/AIDS và hoạt động phòng, chống HIV/AIDS năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm 2012*, in *Báo cáo số 73/BC-BYT ngày 10/2/2012* 2012.

3. Thủ tướng chính phủ, *Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*, Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2012, 2012.

4. Nguyễn Đức Thành, *Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống HIV/AIDS của sinh viên trường Cao đẳng sư phạm Yên Bái*. Tạp chí Y học thực hành, 2011. Tập 521(1): p. 25-28.

5. Bộ Y tế, *Hướng dẫn phòng nhiễm HIV do nghề nghiệp cho nhân viên y tế*. 2004: Nhà xuất bản Y học.

6. Nguyễn Thị Vinh, *Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống HIV/AIDS của sinh viên trường Đại học nông nghiệp Hà Nội*. Tạp chí Y học thực hành, 2010. 709(3): p. 103-108.

7. Bộ Y tế, *Sổ tay hướng dẫn tư vấn phòng chống HIV/AIDS*. 2001, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.

8. Bộ Y tế, *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS*. 2009, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.